

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21-8-2024

Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Ngô Phiên;

2. Ông Thân Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Hoài T**, sinh năm 2001 - (có mặt);

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Hòa Bình, thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Tổ dân phố Hội, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Thanh T1**, sinh năm 1997 - (có mặt).

Nơi cư trú: **Tổ dân phố H, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản ghi ý kiến, biên bản hòa giải và lời khai trong hồ sơ vụ án chị **Đỗ Hoài T** trình bày:

Chị và anh **Hoàng Thanh T1** có được tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** vào 18/01/2022. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: anh **T1** thường xuyên đi uống rượu bia về và có đánh chị, không những thế anh **T1** còn coi thường gia đình

ngoại chi, coi chi như con ở, chửi chi và xúc phạm gia đình chi, đến tháng 4/2024 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng chi về nhà ngoại sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chi thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chi xin ly hôn với anh **Hoàng Thanh T1**.

Về con chung: Vợ chồng chi có 01 con chung là cháu **Hoàng Nhật M**, sinh ngày 23/01/2023. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chi và ông bà ngoại. Sau khi ly hôn chi xin được nuôi cháu. Chi yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) một tháng đến khi cháu **M** đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Chi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản ghi ý kiến, biên bản hòa giải và lời khai trong hồ sơ vụ án anh **Hoàng Thanh T1** trình bày:

Anh đã nghe rõ lời trình bày của chi **T**. Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng như chi **T** trình bày một số điều không đúng. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2023, nguyên nhân do vợ anh láo với anh và mẹ chồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và vợ anh thường xuyên cãi mẹ chồng và có những lời nói không chuẩn mực với người lớn. Vợ chồng anh mâu thuẫn trầm trọng đã hòa giải, nói chuyện nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống được vì quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không hợp nhau, cách nghĩ, cách làm không giống nhau, dần dần mâu thuẫn của vợ chồng anh trở nên trầm trọng và chi **T** về ngoại sinh sống, vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chi **T** có đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có con chung là cháu **Hoàng Nhật M**, sinh ngày 23/01/2023. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, gia đình anh vẫn thường xuyên đón cháu về chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chi **T** cấp dưỡng nuôi con chung. Còn đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chi **T** anh không đồng ý vì anh không đồng ý cho chi **T** nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2024 chính quyền địa phương **thị trấn B** cung cấp như sau: Chi **T**, anh **T1** sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** vào năm 2022. Sau đó tổ chức hôn lễ ở **Đ** và sau đó chuyển về địa phương sinh sống được 02 năm nay. Trong cuộc sống giữa chi **T**, anh **T1** xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến cãi nhau, đánh nhau và vợ chồng anh **T1**, chi

T đã sống ly thân được 3 tháng nay. Vợ chồng chị T, anh T1 có 01 con chung là cháu Hoàng Nhật M, sinh ngày 23/01/2023 hiện đang sống cùng anh T1, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

* Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2024 chính quyền địa phương thị trấn P cung cấp như sau: Chị T, anh T1 sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang vào năm 2022. Sau đó tổ chức hôn lễ, sinh sống ở xã Đ một thời gian và sau đó chuyển về thị trấn B sinh sống. Khoảng nửa năm nay thì chị T, anh T1 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cãi nhau đánh nhau, hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng không được. Chị T đã về nhà mẹ đẻ ở địa phương sinh sống được khoảng 3 tháng nay. Vợ chồng chị T, anh T1 có 01 con chung là cháu Hoàng Nhật M, sinh ngày 23/01/2023 cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Cháu M hay ở cùng mẹ bên nhà ngoại và cứ vài ngày thì anh T1 lại đón cháu sang bên nội.

* Tại đơn xác nhận lương ngày 29/7/2024 của anh Hoàng Thanh T1 với Công ty trách nhiệm hữu hạn S xác định lương của anh T1: lương tháng 04,05,06 năm 2024 là 10.500.000 đồng.

* Tại đơn xác nhận lương ngày 31/7/2024 của chị Đỗ Hoài T với Công ty trách nhiệm hữu hạn V xác định lương của chị T: lương tháng 5/2024 là 10.894.573 đồng; tháng 6/2024 là 13.372.793 đồng; tháng 7 là 13.372.793 đồng.

* Tại phiên tòa chị Đỗ Hoài T giữ nguyên ý kiến xin ly hôn anh Hoàng Thanh T1, xin nuôi cháu Hoàng Nhật M và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 09/2024 đến khi cháu Hoàng Nhật M đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng hàng tháng. Anh Hoàng Thanh T1 giữ nguyên ý kiến đồng ý ly hôn với chị T, và thay đổi ý kiến về phần nuôi con chung, anh T1 đồng ý giao cháu Hoàng Nhật M cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T1 cho rằng anh vẫn chu cấp sữa cho cháu M, vẫn đưa cháu đi tiêm phòng và vẫn đón cháu về chơi.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110, 116, 117 Luật HNGĐ. Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Giao cho chị **T** nuôi dưỡng con chung là cháu **Hoàng Nhật M**, sinh ngày 23/01/2023. Anh **T1** phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/01 tháng

- Về án phí: chị **T** đồng ý chịu 150.000 đồng án phí dân sự ly hôn; Anh **T1** phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; hoàn trả chị **T** 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **T** xin ly hôn với anh **T1**; Anh **T1** có địa chỉ cư trú tại **huyện Y, tỉnh Bắc Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **T**, anh **T1** có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2022 tại **UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của chị **T**, anh **T1**, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương có căn cứ khẳng định: Vợ chồng chị **T**, anh **T1** mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cãi nhau đánh nhau, hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng không được. Đến tháng 4/2024 mâu thuẫn trở lên trầm trọng, chị **T** về ngoại sinh sống và vợ chồng sống ly thân, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị **T** xin ly hôn anh **T1** là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Hoàng Nhật M**, sinh ngày 23/01/2023. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng chị **Đỗ Hoài T** và ông bà ngoại nhưng cách vài ngày thì anh **T1** lại đón về ông bà nội chơi, cháu **M** dưới 36 tháng tuổi. Chị **T**, anh **T1** đều có thu nhập ổn định và đều đang chung sống cùng bố mẹ, không có nhà riêng nhưng xét thấy cháu **M** là trẻ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó để cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường cần giao cháu **M** cho chị **T** chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị **T** yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Xét thấy chị **T** đưa ra mức yêu cầu cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng và thời hạn cấp dưỡng là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh **T1** và phù hợp với nhu cầu thiết yếu của cháu **M**. Mặt khác, khi ly hôn cha mẹ vẫn phải có nghĩa vụ với con chưa thành niên, người không trực tiếp phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên cần buộc anh **T1** cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 09/2024 đến khi cháu **Hoàng Nhật M** đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng hàng tháng

- Về tài sản chung, công nợ chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị **T**, anh **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị **T** đồng ý chịu 150.000 đồng án phí dân sự ly hôn; Anh **T1** phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 116, Điều 117; Điều 118; Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đỗ Hoài T** và anh **Hoàng Thanh T1**

3. Về việc nuôi con: Giao cho chị **Đỗ Hoài T** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Hoàng Nhật M**, sinh ngày 23/01/2023. Anh **Hoàng Thanh T1** cấp dưỡng nuôi cháu **Hoàng Nhật M** với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng kể từ tháng 09/2024 đến khi cháu **Hoàng Nhật M** đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng hàng tháng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì ngoài số tiền phải trả người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền.

4. Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Chị **Đỗ Hoài T** tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **T** đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004991 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Trả lại chị **Đỗ Hoài T** số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh **Hoàng Thanh T1** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Đồng Tâm, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng Thảo